TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DS - ST
Ngày: 20-5-2022
V/v tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Duyên;

2. Bà Đặng Thị Phương T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 4 và 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2021/TLST- DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST – DS ngày 31 tháng 3 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 13/2022/QĐST – DS ngày 21-4-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Minh D, sinh năm 1956. Địa chỉ: Đường P, Khu phố A, phường H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1985. Cư trú tại: ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Tây Ninh (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 11-6-2021); có mặt.

- Bị đơn:

1/ Chị Nguyễn Khánh L, sinh năm 1978. Cư trú tại: Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2/ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984. Cư trú tại: Khu phố C, phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1981. Cư trú tại: Khu phố C, phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Minh D và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng L trình bày:

Do có mối quan hệ bạn bè với bà Võ Thị L1(mẹ ruột của chị Nguyễn Khánh L, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T1) nên ông D có cho bà L1 vay tiền nhiều lần từ năm 2018 để kinh doanh tiệm gas Sóng Thần, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 20-4-2018, bà L1 vay 50.000.000 đồng;
- Lần 2: Ngày 12-10-2018, bà L1 vay 200.000.000 đồng;
- Lần 3: Ngày 21-01-2019, bà L1 vay 100.000.000 đồng.
- Lần 4: Ngày 27-8-2019, bà L1 vay 100.000.000 đồng;
- Lần 5: Ngày 05-11-2019, bà L1 vay 200.000.000 đồng;
- Lần 6: Ngày 07-12-2019, bà L1 100.000.000 đồng;

Khi vay, bà L1 có viết giấy nợ cho ông D, hai bên thỏa thuận lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng nhưng chỉ thỏa thuận miệng, không ghi trong giấy nợ, không thỏa thuận thời hạn cho vay, khi nào bà L1 có tiền thì trả lại cho ông D.

Lúc mới vay vào thời điểm năm 2018, bà L1 có trả cho ông D được vài tháng tiền lãi rồi ngưng nhưng ông D không nhớ số tiền lãi đã nhận là bao nhiêu do thời gian trôi qua đã lâu, cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc giao nhận tiền lãi giữa hai bên, bà L1 chưa trả tiền gốc cho ông D. Khi vay, bà L1 không có cầm cố, thế chấp tài sản hay đưa giấy tờ gì cho ông D để làm tin. Đến tháng 11-2020, bà L1 chết. Cha mẹ và chồng của bà L1 đã chết trước bà L1, bà L1 chỉ có 03 người con ruột là chị Nguyễn Khánh L, chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị T1. Ngoài ra, không có ai là chồng, con ruột và con nuôi của bà L1.

Tại Đơn khởi kiện, ông D yêu cầu chị L và chị T trả cho ông D số tiền 750.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ tháng 10-2020 cho đến khi Tòa án xét xử. Nay ông D rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 200.000.000 đồng ngày 12-10-2018 và số tiền 50.000.000 đồng ngày 20-4-2018. Ông D chỉ yêu cầu chị L, chị T và chị T1trả cho ông số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa ngày 20-5-2022, người đại diện theo ủy quyền của ông D - anh Nguyễn Hoàng L tự nguyện chịu tiền chi phí giám định là 2.040.000 đồng. Ngoài ra, ông D không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Khánh L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, được triệu tập hợp L1 nhiều lần nhưng chị T, chị L và chị T1không đến Tòa để giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu

thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 615 của Bộ luật Dân sự; Điều 217, Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L1 phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh D, buộc chị Nguyễn Khánh L, chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị T1 trả cho ông Trần Minh D số tiền 500.000.000 đồng và chịu án phí dân sự sơ thẩm trong phạm vi di sản bà Võ Thị L1để lại, ghi nhận ông D không yêu cầu tính lãi. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh D đối với chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Khánh L về việc trả số tiền vay 200.000.000 đồng ngày 20-4-2018 và 50.000.000 đồng ngày 12-4-2018. Ông D được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút. Giải quyết chi phí tố tụng giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ khoản 3 Điều 623 của Bộ luật Dân sự, xác định thời hiệu khởi kiện yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại vẫn còn.

[1.3] Về phạm vi khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 24-02-2022, ông Trần Minh D có Đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với chị T và chị L về việc yêu cầu trả số tiền vay 50.000.000 đồng ngày 20-4-2018 và 200.000.000 đồng ngày 12-10-2018. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông D đối với chị T và chị L về việc yêu cầu trả số tiền vay 50.000.000 đồng ngày 20-4-2018 và 200.000.000 đồng ngày 12-10-2018, ông D có quyền khởi kiện lại đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

[1.4] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự: Chị Nguyễn Khánh L, chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp L1 nhiều lần để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng chị L, chị T, chị T1vắng mặt không có lý

do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh D:

Căn cứ lời khai của đương sự và trích lục khai tử số 377/TLKT – BS ngày 20-4-2022 của Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Tây Ninh thể hiện bà Võ Thị L1đã chết vào ngày 26-11-2020. Tại Biên bản xác minh ngày 13-7-2021 (Bút lục số 50) thể hiện: Bà L1 có chồng là ông Nguyễn Văn Đậu, sinh năm 1949 (đã chết), cha mẹ của bà L1 là cụ Võ Văn Nô, sinh năm 1933 (đã chết) và cụ Nguyễn Thị Điều, sinh năm 1936 (đã chết). Bà L1 có con là các chị Nguyễn Thị T, Nguyễn Khánh L, Nguyễn Thị T1, ngoài ra không có ai khác là cha mẹ, là chồng, là con của bà L1. Trong qúa trình giải quyết vụ án, do chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Khánh L, chị Nguyễn Thị T1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ và văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông D nên ông D có đơn đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký của bà L1 trong các giấy nợ:

- Giấy nợ ngày 20/4/2018, số tiền 50.000.000 đồng;
- Giấy nợ đề ngày 12/10 dương lịch 2018, số tiền 200.000.000 đồng;
- Giấy nợ đề ngày 21/1/19, số tiền 100.000.000 đồng.
- Giấy nợ đề ngày 27/8 dương lịch 2019, số tiền 100.000.000 đồng;
- Giấy nợ đề ngày 5/11/19, số tiền 200.000.000 đồng;
- Giấy nợ đề ngày 07/12, số tiền 100.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 1264/ KL-KHS ngày 08-10-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Tây Ninh đã kết luận:

- Chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A01 đến A06) với chữ viết của Võ Thị L1trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M01 đến M09) không phải do cùng một người viết ra;
- Chữ ký trên tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A01 đến A04) với chữ viết của Võ Thị L1 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M01 đến M09) do cùng một người ký ra.

Sau khi có kết luận giám định nêu trên, Tòa án đã tống đạt hợp L1 cho các đương sự nhưng không có ai yêu cầu giám định lại. Ngày 24-02-2022, ông D có Đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với chị T và chị L về việc yêu cầu trả số tiền 50.000.000 đồng ngày 20-4-2018 và số tiền 200.000.000 đồng ngày 12-10-2018.

Như vậy, có cơ sở xác định việc ông D cho bà L1 vay số tiền 500.000.000 đồng (bao gồm khoản vay 100.000.000 đồng ngày 7/12, khoản vay 200.000.000 đồng ngày 5/11/19, khoản vay 100.000.000 đồng ngày 27/8/ dương lịch 2019 và khoản vay 100.000.000 đồng ngày 21/1/19) là có thật và hoàn toàn tự nguyện, được thể hiện thông qua các giấy nợ nêu trên. Do bà L1 đã chết nên căn cứ quy định tại các Điều 463, 466, 615, 623 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy buộc chị T, chị L và chị T1có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền nợ gốc 500.000.000

đồng trong phạm vi di sản bà L1 để lại là phù hợp. Ghi nhận ông D không yêu cầu tính lãi.

[2.2] Chị Nguyễn Khánh L, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp L1 nhiều lần để giải quyết vụ án nhưng các chị không nộp cho Tòa án văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông D, không nộp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình mà không có lý do chính đáng, do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L1 phí Tòa án, chị Nguyễn Khánh L, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T1 chịu 24.000.000 đồng trong phạm vi di sản bà L1 để lại.

[4] Về chi phí tố tụng: Ghi nhận ông Trần Minh D tự nguyện chịu 2.040.000 đồng chi phí giám định và đã nộp xong.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 615, 623 của Bộ luật Dân sự; các Điều 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L1 phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh D đối với chị Nguyễn Khánh L và chị Nguyễn Thị T về việc "Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại".

Buộc chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Khánh L và chị Nguyễn Thị T1 trả cho ông Trần Minh D số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng trong phạm vi di sản do bà Võ Thị L1để lại. Ghi nhận ông Trần Minh D không yêu cầu tính lãi.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh D đối với chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Khánh L về việc yêu cầu trả số tiền vay 50.000.000 đồng ngày 20-4-2018 và 200.000.000 đồng ngày 12-10-2018, ông D có quyền khởi kiện lại đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Khánh L, chị Nguyễn Thị T1 chịu 24.000.000 đồng trong phạm vi di sản bà Võ Thị L1 để lại.

4. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận ông Trần Minh D tự nguyện chịu 2.040.000 đồng tiền chi phí giám định và đã nộp xong.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp L1.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Lê Thị Ánh Tuyết